

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ BẢO LÃNH

(Dành cho Khách hàng Cá nhân – Áp dụng từ ngày 01/07/2017)

TT	KHOẢN MỤC	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
1	Phát hành bảo lãnh dự thầu			
1.1	Tính trên giá trị được bảo đảm bằng số tiền ký quỹ, tiền gửi KKH	0,03%/tháng	150.000 VND	
1.2	Tính trên giá trị được bảo đảm bằng tiền gửi CKH, sổ tiết kiệm, giấy tờ có giá có kỳ hạn do NCB phát hành	0,05%/tháng	200.000 VND	
1.3	Tính trên giá trị được bảo đảm bằng bất động sản, động sản	0,12%/tháng	300.000 VND	
1.4	Phần không có tài sản bảo đảm	0,25%/tháng	400.000 VND	
2	Phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thanh toán			
2.1	Tính trên giá trị được bảo đảm bằng số tiền ký quỹ, tiền gửi KKH	0,04%/tháng	200.000 VND	
2.2	Tính trên giá trị được bảo đảm bằng tiền gửi CKH, sổ tiết kiệm, giấy tờ có giá có kỳ hạn do NCB phát hành	0,06%/tháng	200.000 VND	
2.3	Tính trên giá trị được bảo đảm bằng bất động sản, động sản	0,14%/tháng	300.000 VND	
2.4	Phần không có tài sản bảo đảm	0,30%/tháng	400.000 VND	
3	Tu chỉnh bảo lãnh			
3.1	Tu chỉnh tăng giá trị thư bảo lãnh	Thu theo phí phát hành bảo lãnh quy định tại Mục 1, Mục 2 – Biểu phí này		
3.2	Tu chỉnh thời hạn bảo lãnh	Thu theo phí phát hành bảo lãnh quy định tại Mục 1, Mục 2 – Biểu phí này		
3.3	Tu chỉnh khác	200.000 VND/lần		
4	Các phí bảo lãnh khác			
4.1	Phát hành bảo lãnh bằng 2 ngôn ngữ	300.000 VND		
4.2	Phát hành bảo lãnh dựa vào bảo lãnh đối ứng của TCTD trong nước	Nhu phát hành các loại bảo lãnh		
4.3	Xác nhận bảo lãnh do NCB phát hành	200.000 VND/lần		
4.4	Phát hành thư bảo lãnh theo mẫu của khách hàng (được NCB chấp nhận)	Nhu phát hành + 200.000 VND (tiếng Việt) hoặc + 300.000 (song ngữ)		

4.5	Phát hành bảo lãnh không xác định thời hạn cụ thể theo quy định của NCB	Như phát hành + 0,05%/tháng	400.000 VND	
4.6	Phí dịch thuật	150.000 VND/trang	300.000 VND	
4.7	Phí đổi tài sản bảo đảm	200.000 VND/lần + phí phát hành tăng thêm (nếu có)		
4.8	Phí chuyển tiền thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	Như phí giao dịch tài khoản		
4.9	Hủy thư bảo lãnh do khách hàng đề nghị	300.000 VND/lần		

Ghi chú:

1. Biểu phí này **không thu** thuế giá trị gia tăng (VAT).
2. Công thức tính phí phát hành bảo lãnh:
[Số tiền phí = (Mức phí/30) x (Giá trị thư bảo lãnh tại thời điểm thu phí) x (Số ngày bảo lãnh)].
3. Đối với trường hợp bảo lãnh có nhiều loại TSĐB khác nhau, ĐVKD thu phí bảo lãnh là tổng phí bảo lãnh theo từng loại TSĐB, tối thiểu bằng mức phí tối thiểu lớn nhất của bảo lãnh theo từng loại TSĐB.